

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 01 năm 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Trong tháng 01/2022, sản xuất công nghiệp tiếp tục đà phục hồi và phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 0,15% so với tháng trước và tăng 8,62% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,7%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 35,49%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,26% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Bước sang năm 2022, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã chủ động được nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ ổn định; một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước¹.

2. Lĩnh vực thương mại và giá cả tiêu dùng

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Tháng 1/2022 là tháng gần Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 nên hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên thị trường diễn ra khá sôi động, thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, giá cả cơ bản ổn định; Công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường đảm bảo chất lượng hàng hóa phục vụ nhu cầu người dân trước và trong dịp Tết Nguyên đán. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.811 tỷ đồng, tăng 4,33% so với tháng 12/2021 và tăng 0,11% so với cùng kỳ năm trước².

¹ Điện sản xuất tăng 69,32%; dăm gỗ tăng 49,8%; gạch xây dựng tăng 19,62%; bộ com-lê, quần áo may sẵn tăng 17,42%; nước hoa quả, tăng lực tăng 13,36%; lốp xe các loại tăng 12,8%; đá xây dựng tăng 12,56%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 9,82%. Một số sản phẩm tăng ổn định: Tinh bột sắn tăng 8,48%; điện thương phẩm tăng 7,69%; quặng zircon tăng 4,7%; quặng inmenit tăng 2,78%; nước máy tăng 0,08%. Một số sản phẩm giảm: Tầm lợp proximăng giảm 86,05%; săm xe các loại giảm 45,58%; bia lon giảm 23,81%; phân hóa học giảm 13,28%; xi măng giảm 4,2%; ván ép không tăng, không giảm.

² Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.541,21 tỷ đồng, chiếm 90,40% tổng mức, tăng 4,10% so với tháng trước và tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 194,13 tỷ đồng, chiếm 6,90% tổng mức; tăng 6,56% so với tháng trước và giảm 1,92% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 75,71 tỷ đồng, chiếm 2,70% tổng mức; tăng 6,40% so với tháng trước và giảm 28,37%

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tết Nguyên đán Nhâm Dần rơi vào cuối tháng 01/2022, nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao. Giá các nhóm hàng phục vụ Tết Nguyên đán tăng, giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới; tuy nhiên, do dịch COVID-19 kéo dài nên sức mua của người dân trên thị trường giảm sút nên chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2022 chỉ tăng 0,27%³ so với tháng 12/2021 và tăng 2,86% so với cùng kỳ năm trước.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

- Đề xuất chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của ngành Công Thương; Tổng hợp đánh giá tình hình quản lý cụm công nghiệp; Báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của doanh nghiệp năm 2021; Báo cáo trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2021 thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương.

- Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn điện trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; triển khai thực hiện Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021; thực hiện công bố công khai mức giới hạn hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn.

- Thực hiện đóng điện hạng mục Công trình Cấp điện nông thôn huyện Hướng Hóa, Gio Linh; giải ngân nguồn vốn ngân sách địa phương và đề xuất thực hiện các gói thầu thuộc Tiểu Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ. Trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng thuộc diện ưu tiên cấp điện khi thiếu nguồn năm 2022 trên địa bàn.

- Tham mưu dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ cân đối cung cầu và bình ổn thị trường; kiểm tra tình hình thị trường tại các siêu thị, chợ, trung tâm thương mại; tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu xăng dầu, than qua biên giới, vùng biển và quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu trong nội địa. Tham mưu đề xuất các nội dung Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản; đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới năm 2022.

- Xây dựng các kế hoạch liên quan công tác pháp chế năm 2022: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch công tác

so với cùng kỳ năm trước. Do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19, dịch vụ du lịch lữ hành không phát sinh doanh thu.

³ có 07/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Giao thông tăng 1,20%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,89%; đồ dùng và dịch vụ khác tăng 0,63%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,48%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,36%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,29%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,19% (lương thực tăng 0,34%, thực phẩm giảm 0,09%, ăn uống ngoài gia đình tăng 0,89%). Có 01/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là: nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,28%. Các nhóm hàng hóa khác giá ổn định.

kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính của Sở năm 2022.

- Báo cáo đánh giá việc thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 08/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác nội chính và cải cách tư pháp trong tình hình mới; Thông báo tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Sở 6 tháng đầu năm 2022.

- Trình UBND tỉnh xem xét Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương; hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại cán bộ công chức năm 2021 và phân loại chất lượng đối với tập thể và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý năm 2021.

- Chuẩn bị báo cáo và tổ chức tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 của ngành Công Thương. Hoàn thành các Kế hoạch liên quan công tác cải cách hành chính năm 2022; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa nền hành chính của Sở; Thực hiện đánh giá điều tra xã hội học xác định chỉ số CCHC và bổ sung tài liệu kiểm chứng đánh giá chỉ số CCHC năm 2021; hoàn thành cập nhật hệ thống ứng dụng CNTT trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm.

- Tổng hợp thời gian xử lý văn bản đến; báo cáo thống kê công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ; báo cáo kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo vị trí việc làm, biên chế công chức, SNLV trong các cơ quan, tổ chức hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 02 NĂM 2022

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2022. Chuẩn bị nội dung, tổng kết công tác năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thương trực (BCĐ 389, BCĐ bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, Ban HNQT về KT).

- Tổ chức các hoạt động Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 lành mạnh, văn minh, an toàn, thiết thực đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19; Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trong và sau dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 theo yêu cầu UBND tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc; Đề xuất các quy định Hệ thống chế độ thông tin báo cáo định kỳ, báo cáo chỉ đạo, điều hành. Đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Tiếp tục phối hợp với ngành điện thực hiện công tác vận hành, cung ứng điện an toàn, liên tục bảo đảm nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; an toàn phòng chống cháy nổ trên địa bàn trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Tham gia Đoàn công tác liên ngành kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân năm 2022.

- Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió đã được quy hoạch tiếp tục hoàn thiện thủ tục, triển khai thực hiện dự án. Phối hợp với các ngành và địa phương liên quan hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các dự án điện gió đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực, đưa vào vận hành, phát điện thương mại.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) năm 2022; Triển khai thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Xây dựng các kế hoạch triển khai chương trình phát triển thương mại năm 2022; Tham mưu chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại; Tập trung theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa để kịp thời có phương án bảo đảm cung ứng, dự trữ, lưu thông hàng hóa thông suốt, kiên quyết không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và sau dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình bình ổn thị trường, chương trình đưa hàng Việt về các khu công nghiệp, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thường xuyên theo dõi, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch ngay từ những tháng đầu năm.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng năm 2022; Xây dựng và triển khai thực hiện công tác pháp chế năm 2022 của Sở Công Thương.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, điều chỉnh lại Đề án tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 trình Sở Nội vụ pthamar định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ Tổ công tác của Giám đốc Sở triển khai thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao năm 2022. Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở năm 2022; phối hợp ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025 đối với hoạt động cung ứng thủ tục hành chính mức độ cao (mức độ 3, mức độ 4).

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 01 năm 2022; đề xuất một số nhiệm vụ

trọng tâm trong tháng 02 năm 2022; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT TT UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 01 năm 2022

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 12/2021		Dự ước tháng 01/2022			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 01/2022 so với tháng 1/2021
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	163.65	110.68	136.16	100.15	108.62	108.62
1. Công nghiệp khai khoáng	121.39	103.51	125.86	97.30	109.50	109.50
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	168.67	106.78	125.92	100.36	106.70	106.70
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	235.76	132.76	218.68	104.20	135.49	135.49
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108.09	94.41	113.54	100.34	101.26	101.26

Đơn vị b/c: Sở Công Thương Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 01 năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1059	1057	1057	1028	1028	99.84%	102.78%	102.78%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	718.75	589	589	563	563	82.00%	104.70%	104.70%
3	Đá xây dựng	M3	64907.60	65709	65709	58377	58377	101.23%	112.56%	112.56%
4	Tinh bột sắn	Tấn	10241	11056	11056	10194	10194	107.96%	108.46%	108.46%
5	Bia lon	1000 lít	1552	1574	1574	2066	2066	101.43%	76.19%	76.19%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1592	1400	1400	1235	1235	87.94%	113.36%	113.36%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	1338.21	1429	1429	1217	1217	106.77%	117.42%	117.42%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6030	6697	6697	6098	6098	111.06%	109.82%	109.82%
9	Dăm gỗ	Tấn	37812	37343	37343	24929	24929	98.76%	149.80%	149.80%
10	Ván ép	M3	20842	20000	20000	20000	20000	95.96%	100.00%	100.00%

11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	107	70	70	88	88	65.42%	79.55%	79.55%
12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	5705	5000	5000	5766	5766	87.64%	86.72%	86.72%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	360	370	370	328	328	102.78%	112.80%	112.80%
14	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	770	800	800	392	392	103.90%	204.08%	204.08%
15	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	13295	13559	13559	11335	11335	101.99%	119.62%	119.62%
16	Săm xe các loại	1000 cái	1756	1910	1910	3510	3510	108.80%	54.42%	54.42%
17	Xi măng	Tấn	16300	17100	17100	17850	17850	104.91%	95.80%	95.80%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	175	71	71	509	509	40.57%	13.95%	13.95%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	88	107	107	63	63	121.13%	169.32%	169.32%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	57	56	56	52	52	98.54%	107.69%	107.69%
21	Nước máy	1000 m ³	1131	1051	1051	1050	1050	92.90%	100.08%	100.08%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2694.50	2811.05	2811.05	2807.77	2807.77	104.33%	100.12%	100.12%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2441.17	2541.21	2541.21	2504.40	2504.40	104.10%	101.47%	101.47%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		253.33	269.84	269.84	303.37	303.37	106.52%	88.95%	88.95%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	182.18	194.13	194.13	197.74	197.74	106.56%	98.18%	98.18%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		182.18	194.13	194.13	197.74	197.74	106.56%	98.18%	98.18%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-	-	-
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	71.15	75.71	75.71	105.63	105.63	107.87%	71.67%	71.67%

